



chuáng diàn

床垫

noun · mattress

Example Sentences

Zhè zhāng chuáng diàn hěn ruǎn shuì qǐ lái hěn shū fu
这张床垫很软，睡起来很舒服。

This mattress is very soft and comfortable to sleep on.

Wǒ mǎi le yī gè xīn chuáng diàn jiù de yǐ jīng yòng le shí nián
我买了一个新床垫，旧的已经用了十年。

I bought a new mattress; the old one has been used for ten years.

Trace each character, then write the word on your own.

床	床	床	床	床	床	床	床	床	床	
垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫	垫
垫										